TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17 -10 -2019
V/v «Tranh chấp ly hôn»

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Đàm Như Nga
2. Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T** - Sinh năm: 1970 - Nơi ĐKHKTT: Khối X, phường Y, thành phố S, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Số Z đường V, tổ J, phường F, quận K, Đà Nẵng. *Có mặt*

* Bị đơn: Ông **Phạm Đình N** - Sinh năm: 1961 - Nơi ĐKHKTT: Khối X, phường Y, thành phố S, tỉnh Nghệ An - Nơi cư trú: Số Z đường V, tổ J, phường F, quận K, Đà Nẵng. *Vắng mặt*

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng TMCP L**. Địa chỉ chi nhánh Đà Nẵng: Số W, đường Q, phường D, quận K, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà - Nguyên đơn là bà Lê Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Đình N chung sống với nhau từ năm 1989, đến năm 1999 thì đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Y, thành phố S, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khối X, phường Y, thành phố S, tỉnh Nghệ An. Từ năm 2016, vợ chồng chuyển nhà vào sinh sống tại số Z đường V, tổ J, phường F, quận K, thành phố Đà Nẵng. Từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên càng về sau thì càng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên tính cách trái ngược nhau, ông N không có trách nhiệm, thường xuyên chửi mắng, xúc phạm bà T và gia đình bà. Vì gia đình và thương con còn ăn học, bà T đã cố gắng khuyên giải nhưng ông N không thay đổi. Nay bà T xác định không còn yêu thương ông N, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Đình N.

- Về con chung: Bà T xác định bà và ông N có ba con chung là Phạm Duy Hoàng B, sinh năm 1992; Phạm Thị Trà M, sinh năm 1994 và Phạm Duy Hoàng A sinh năm 1998. Các con đã trưởng thành nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Bà T xác định bà và ông N có tài sản chung là giá trị nhà và đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại địa chỉ số Z đường V, tổ J, phường F, quận K, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 611701 được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/02/2017. Bà T ước tính giá trị tài sản chung là 5.000.000.000đ và yêu cầu phân chia mỗi người một nửa giá trị tài sản; bà có nguyện vọng được quản lý, sử dụng ngôi nhà trên và thối trả tiền cho ông N.

- *Về nợ chung:* Bà T xác định bà và ông N nợ Ngân hàng TMCP L chi nhánh Đà Nẵng số tiền 2.200.000.000đ. Ly hôn, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia ông bà có nghĩa vụ mỗi người phải trả số tiền nợ gốc là 1.100.000.000đ và lãi vay tương ứng với phần số tiền nợ gốc mà mình có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng.

Ngày 29/7/2019, bà Lê Thị T rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, phân chia nợ chung khi ly hôn.

**** Bị đơn là ông Phạm Đình N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.***

**** Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:***

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong suốt quá trình tố tụng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến phản hồi là đã vi phạm các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề N HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, về con chung đã thành niên nên không đề cập, về tài sản chung và nợ chung do nguyên đơn rút yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị T khởi kiện "Ly hôn" đối với bị đơn là ông Phạm Đình N có địa chỉ cư trú tại: số Z đường V, tổ J, phường F, quận K, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai đối với bị đơn ông Phạm Đình N nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

***Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Phạm Đình N đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông N, còn ông N không có ý kiến phản hồi.

Quá trình chung sống, theo bà T đến khoảng năm 2017 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng cho đến nay, điều này phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Phạm Đình N tham gia phiên hòa giải nhưng ông N cố tình vắng mặt, việc vắng mặt này cho thấy ông N không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T về việc xin ly hôn với ông Phạm Đình N.

[2] Về con chung: Bà Lê Thị T xác định bà và ông N có ba con chung là Phạm Duy Hoàng B, sinh năm 1992; Phạm Thị Trà M, sinh năm 1994 và Phạm Duy Hoàng A sinh năm 1998. Khi ly hôn các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[3] Quan hệ tài sản chung: Nguyên đơn xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng quá trình giải quyết vụ án đã rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về tài sản chung; bị đơn không có ý kiến gì nên không giải quyết.

[4] Về nợ chung: Nguyên đơn xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP L nhưng quá trình giải quyết vụ án đã rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về nợ chung; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQHK14, nguyên đơn là bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung, phân chia nợ chung của bà Lê Thị T. Hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung là 41.000.000đ theo biên lai thu số 4744 ngày 15/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc ly hôn với ông Phạm Đình N.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị T ly hôn với ông Phạm Đình N.

2. Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ bà Lê Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 4745 ngày 09/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phạm Đình N và Ngân hàng TMCP L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- UBND phường Y;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

DƯƠNG THỊ THÁI